

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 11/3/2024 - 15/3/2024

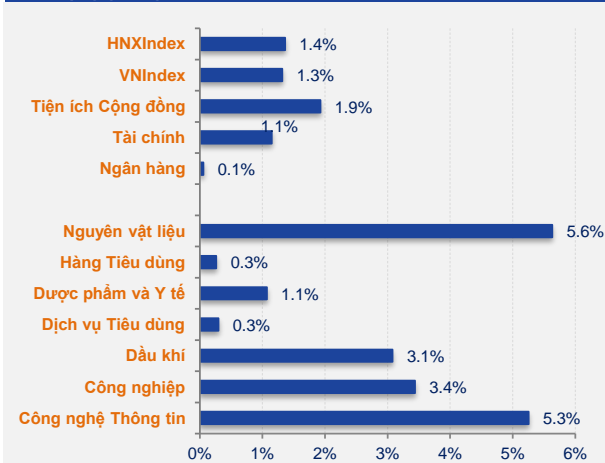
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,263.78	↑ 1.3%	239.54	↑ 1.4%
KLGD (trCP)	4,619.16	↓ -11.4%	573.15	↓ -2.5%
GTGD (tỷ VND)	126,168.17	↓ -6.6%	11,945.87	↑ 3.5%
Tổng cung (trCP)	10,777.76	↓ -4.5%	925.35	↓ -8.2%
Tổng cầu (trCP)	11,768.66	↑ 6.7%	787.92	↓ -3.6%

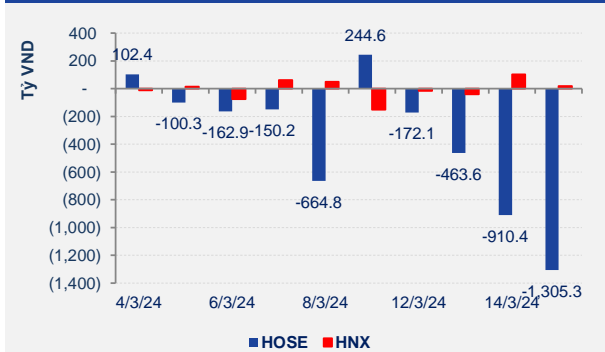
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	317.26	↓ -5.4%	17.11	↓ -24.2%
KL bán (trCP)	403.88	↑ 14.1%	21.48	↑ 8.2%
GT mua (tỷ VND)	11,332.98	↑ 1.3%	460.77	↓ -9.5%
GT bán (tỷ VND)	13,939.88	↑ 14.6%	548.92	↑ 16.2%

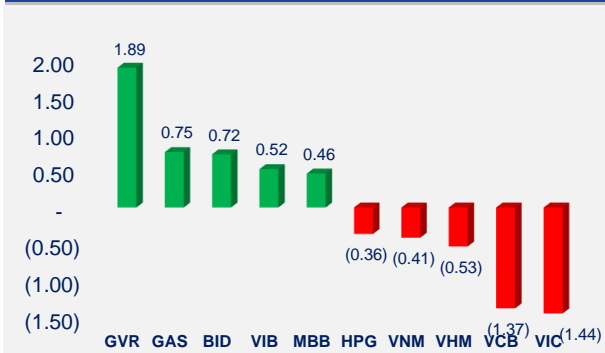
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giao dịch biến động mạnh với thanh khoản đột biến, VN-INDEX tiếp tục có tuần giao dịch biến động mạnh với chiều hướng tích cực hơn tuần trước. Phiên đầu tuần VN-INDEX điều chỉnh về vùng giá quanh 1.235 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA20 phiên và phục hồi tốt trong 02 phiên tiếp theo, vượt lên lại vùng giá đỉnh cao nhất năm 2023. Trong 02 phiên cuối tuần VN-INDEX lại chịu áp lực điều chỉnh khi gặp vùng kháng cự mạnh 1.280 điểm, tiếp tục rung lắc rất mạnh trong phiên kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.255 điểm. Kết thúc tuần VNINDEX tăng 1,32% so với tuần trước lên mức 1.263,78 điểm, duy trì xu hướng tích cực trên vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng 1.245 điểm - 1.255 điểm. HNX-INDEX kết tuần ở mức 239,54 điểm tăng 1,36% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 126.155,54 tỉ đồng, giảm nhẹ 6,6% so với tuần trước, duy trì vượt mức trung bình với khối lượng giao dịch trung bình của VN-INDEX hơn 900 triệu cổ phiếu/phiên. Diễn biến cho thấy dòng tiền vẫn đang duy trì tốt trong thị trường, luân chuyển xoay vòng trong các nhóm ngành, mặc dù áp lực bán ngắn hạn vẫn gia tăng mạnh ở nhiều mã/nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và bán ròng khá đột biến với giá trị lên đến 2.600,66 tỉ đồng trên HOSE; bán ròng trên HNX với giá trị 88,15 tỉ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Ngày 14/3/2024 diễn ra Hội nghị triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024 tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô; Sau hơn 04 tháng, ngày 11/03/2024 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chào bán tín phiếu trở lại. Việc NHNN mở lại hoạt động chào thầu tín phiếu có nét tương đồng so với hồi trung tuần tháng 9/2023 khi tỷ giá USD/VND chịu nhiều áp lực và lãi suất VND liên ngân hàng không có chiều hướng hỗ trợ; CPI của Mỹ tháng 2/2024 đã tăng 0,4% so với tháng 1/2024 và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tuần vẫn có rất nhiều mã/nhóm mã tăng giá mạnh, nổi bật là nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su, nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến hướng đến vùng giá đỉnh lịch sử năm 2021, 2022 như GVR (+19,31%), DPR (+19,06%), SIP (+11,34%), VGC (+10,52%), SNZ (+9,94%), PHR (+9,07%)... ngoài BCM (-2,60%), ITA (-1,62%)... Các cổ phiếu bất động sản mặc dù phân hóa rất mạnh và là nhóm có diễn biến kém tích cực so với thị trường chung từ đầu năm đến nay, nhiều mã cũng có thanh khoản đột biến, tăng giá mạnh trong tuần như VRC (+16,01%), NHA (+12,95%), NTL (+9,10%), HDC (+8,99%), CSC (+8,39%)... ngoài các mã điều chỉnh với FIR (-6,13%), CCL (-3,30%), AGG (-2,19%)...

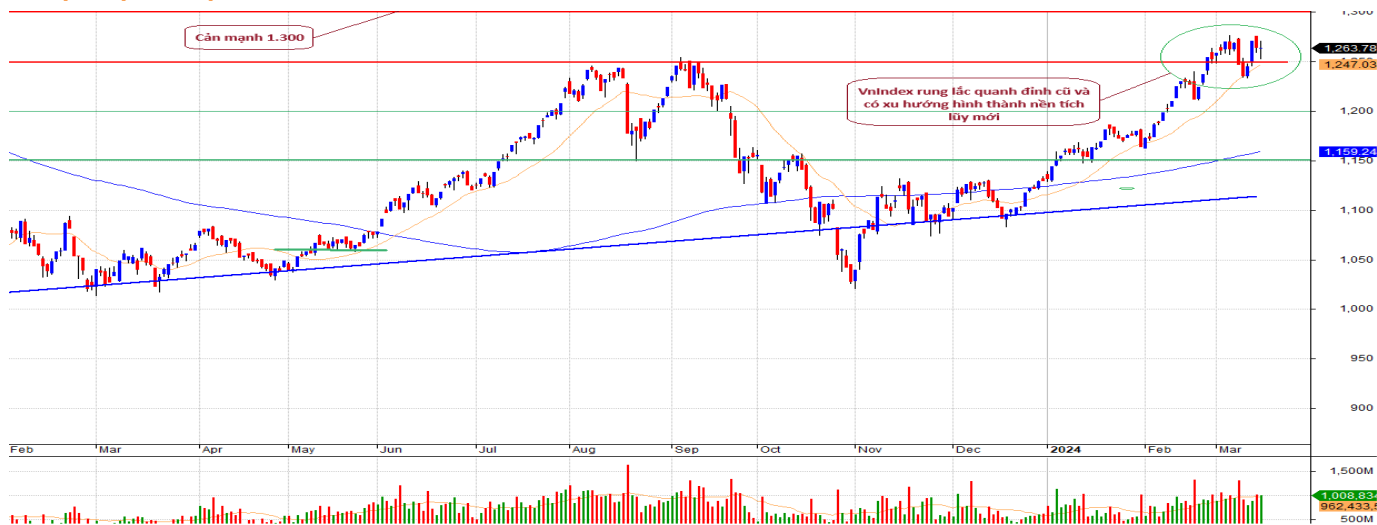
Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến khá tích cực nổi bật so với thị trường chung, đa số mã tăng giá mạnh hướng đến các vùng đỉnh cũ, khi có nhiều thông tin tích cực về kế hoạch tăng vốn... nổi bật như VCI (+12,23%), VDS (+10,58%), FTS (+7,93%), VIX (06,94%)... ngoài VIG (-2,27%), TCI (-1,48%), EVS (-1,14%)... Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực hơn, ảnh hưởng mạnh đến biến động liên tục của chỉ số trong tuần, đa số giảm điểm, thanh khoản dưới mức trung bình với PGB (-3,45%), LPB (-3,22%), NAB (-2,66%), SHB (-2,56%)... ngoài các mã khá tích cực như VIB (+4,41%), SGB (+2,21%), BID (+2,15%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2403 kết thúc tuần ở mức 1.260,0 điểm, tăng 0,49%, chênh lệch dương 3,58 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch ở mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.250 điểm, dưới kháng cự 1.265,7 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 1,63 điểm đến 7,58 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch dương, mức chênh lệch mở rộng và đảo ngược. Cho thấy các trader đang kỳ vọng VN30 sẽ phục hồi ngắn hạn sau phiên giảm điểm cuối tuần, khá lạc quan với mức độ hồi phục ở kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 11/3/2024 - 15/3/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường hồi phục trong tuần qua khi Vn-Index tăng 16,43 điểm (+1,32%) và đóng cửa ở 1.263,78 điểm. Dù tăng điểm nhưng Vn-Index vẫn đang trong khu vực có rung lắc mạnh bất thường và cần thêm thời gian tích lũy trước khi có thể tính tới nhịp tăng điểm tiếp theo. Chúng tôi cho rằng trong ngắn hạn Vn-Index vẫn còn động lực tăng hướng tới cản mạnh 1.300 điểm nhưng không đánh giá cao khả năng Vn-Index vượt 1.300 điểm để hình thành uptrend mạnh mẽ mà thiên về khả năng tại khu vực 1.300 điểm sẽ có rung lắc và rất có thể thị trường sẽ điều chỉnh giảm khi đà tăng ngắn hạn suy yếu và giảm hưng phấn.

Về trung hạn Vn-Index đang có đà tăng mạnh nhưng vận động trên nền tích lũy chưa đủ dài và tin cậy nên khả năng thị trường hụt hơi sau nhịp tăng ngắn hạn là hoàn toàn có thể xảy ra. Nếu Vn-Index bước vào nhịp giảm thì vận động này cũng là vận động bình thường và phù hợp với kỳ vọng swing tích lũy, chúng tôi cho kênh tích lũy phù hợp sẽ là 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

Vn-Index có tuần hồi phục sau nhịp điều chỉnh khá sâu, tuy nhiên sẽ sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và kịch bản điều chỉnh khi Vn-Index tiệm cận ngưỡng cản này là có khả năng xảy ra, chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại dù VnIndex có nhịp hồi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và bắt đầu rung lắc khi gặp cản mạnh 1.250 điểm, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định, ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 11/3/2024 - 15/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	43.90	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.90	37-37.8	44-45	35	20.9	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân
VSC	22.20	22.2-23	26-27	20.5	25.8	20.4%	-16.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	32.70	22.3	35-37	31	46.6%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	61.30	45.1	64-65	57	35.9%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.80	27.55	32-33	31	19.1%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.90	18.09	25-26	21	26.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Tín dụng cho chủ đầu tư bất động sản đạt hơn 1,1 triệu tỷ đồng**

Tính đến cuối tháng 1/2024, tín dụng cho vay chủ đầu tư bất động sản đạt hơn 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 1,52% so với cuối năm ngoái. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến cuối tháng 1/2024, tín dụng lĩnh vực bất động sản đạt khoảng 2,89 triệu tỷ đồng, tăng 0,23% so với cuối năm 2023, chiếm 21,46% tổng dư nợ nền kinh tế, tỷ lệ nợ xấu là 2,73%. Trong đó, dư nợ kinh doanh bất động sản đạt khoảng 1,11 triệu tỷ đồng, tăng 1,52%, chiếm 38,37% tổng dư nợ tín dụng bất động sản; dư nợ bất động sản tự sử dụng/tiêu dùng (cho vay người mua nhà, nhà đầu tư) đạt khoảng 1,78 triệu tỷ đồng, giảm 0,56%, chiếm 61,63% dư nợ tín dụng bất động sản.

Đề nghị xem lại mức tăng lương hưu, trợ cấp lên 15-38,9%

Bộ Tài chính đề nghị xem lại đề xuất tăng lương hưu, các khoản trợ cấp lên 15-38,9% vì kinh phí lên hơn 17.000 tỷ đồng, vượt khả năng cân đối của ngân sách. Bộ Tài chính vừa có công văn hỏi đáp Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đánh giá tác động của cải cách tiền lương mới từ ngày 1/7 đến thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH). Bộ Tài chính nêu rõ ngân sách trung ương khó khăn, tiền bố trí cho tăng lương hưu và các khoản trợ cấp hạn chế trong khi một số địa phương dư nguồn lực lớn cho cải cách tiền lương.

Khủng hoảng Biển Đỏ làm 'giảm sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam'

Khủng hoảng Biển Đỏ gây nút thắt cho huyết mạch hàng hải, làm tăng chi phí vận chuyển và giảm sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, theo Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao. "Lĩnh vực hàng hải giờ đây phải đối mặt với nhiều thách thức như xung đột, các mối đe dọa đến lưu thông hàng hải, cướp biển, tội phạm, khủng bố và suy thoái môi trường", ông Nguyễn Minh Vũ, Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao, phát biểu tại Đối thoại Biển lần thứ 12 ngày 15/3 tại TP HCM. "Khó khăn về vận chuyển hàng hải đã làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam và gây ra đình trệ trong chuỗi cung ứng. Việt Nam cũng đã chịu thương vong đầu tiên trong các cuộc tấn công của Houthis" trên vùng biển này, ông Vũ nói.

Giá USD ngân hàng lập đỉnh mới, USD tự do tăng mạnh

Giá USD tại các ngân hàng thương mại tăng cao, giá bán lên 24.900 đồng/USD, vượt đỉnh 24.888 đồng/USD ghi nhận hôm 25/10/2022. Còn giá USD trên thị trường tự do cũng bật tăng mạnh sau vài phiên giảm sâu. Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 15/3 ở mức 23.979 đồng/USD, tăng 12 đồng so với phiên hôm qua. Áp dụng biên độ 5%, các ngân hàng thương mại được phép giao dịch với tỷ giá trần hôm nay là 25.178 đồng/USD và tỷ giá sàn là 22.780 đồng/USD. Tỷ giá bán cũng được Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tăng 12 đồng, đưa phạm vi mua - bán lên mức 23.400-25.127 đồng/USD. Tỷ giá USD/VND tại nhiều ngân hàng thương mại cũng được điều chỉnh tăng cao. Giá USD bán ra tại các ngân hàng đều lên mốc 24.900 đồng/USD, vượt đỉnh cao 24.888 đồng/USD ghi nhận hôm 25/10/2022.

TIN DOANH NGHIỆP

EVNFinance (EVF) tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, đạt mục tiêu lợi nhuận tăng 43%

Ngày 15/3/2024, tại Hà Nội, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance - mã chứng khoán EVF) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, với nhiều nội dung quan trọng được thông qua. Với tỷ lệ nhất trí cao, ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với tổng tài sản là 54.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 585 tỷ đồng, lần lượt tăng 10% và 43% so với thực hiện 2023. Mục tiêu này phản ánh nỗ lực và quyết tâm của EVNFinance trong việc đảm bảo lợi ích cho khách hàng và cổ đông giữa bối cảnh dự báo kinh tế 2024 còn nhiều thách thức.

Hai tháng đầu năm, lãi sau thuế TDM chỉ bằng 1/5 Biwase

Biwase và TDM Water (đối tác chiến lược của Biwase) là hai doanh nghiệp nắm giữ phần lớn thị phần cung cấp nước sạch cho tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, xét về quy mô và hiệu quả kinh doanh có sự chênh lệch khá lớn. Trong 2 tháng đầu năm 2024, CTCP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương (Biwase, HOSE: BWE) ghi nhận sản lượng nước tiêu thụ tăng hơn 10% so với cùng kỳ, đạt gần 31.5 triệu m³; thực hiện được 16% kế hoạch năm. Tỷ lệ thất thoát nước duy trì mức 5%. Tổng doanh thu ước đạt 520 tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 110 tỷ đồng, tăng lần lượt 14% và 10% so với cùng kỳ. So với kế hoạch sẽ trình ĐHCĐ 2024, Công ty thực hiện được gần 13% chỉ tiêu doanh thu (4,100 tỷ đồng) và 16% mục tiêu lợi nhuận năm (700 tỷ đồng).

Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH) lên kế hoạch lãi giảm gần một nửa trong năm 2024

CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (mã VSH - sàn HOSE) công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội dự kiến tổ chức ngày 4/4. Trong năm 2024, Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh lên kế hoạch doanh thu 1.965,82 tỷ đồng, giảm 23,7% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế dự kiến 505,24 tỷ đồng, giảm 49,2% so với thực hiện trong năm 2023. Ngoài ra, về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023, Công ty trình cổ đông kế hoạch cổ tức với tỷ lệ 30%.

Lợi nhuận tháng 2 của Viettel Construction sụt giảm do kỳ nghỉ lễ Tết nguyên đán

Luỹ kế hai tháng đầu năm, Viettel Construction ước đạt 1.703 tỷ đồng doanh thu và 94,3 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng trưởng 9% và 6% so với cùng kỳ 2023. Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (Viettel Construction - Mã: CTR) vừa công bố kết quả kinh doanh ước tính tháng 2/2024 với doanh thu 834 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận trước thuế giảm 4% so với cùng kỳ về 44,6 tỷ đồng. Cả hai chỉ tiêu đều là kết quả thấp nhất kể từ tháng 4/2023. Thông tin thêm, Tết Nguyên đán năm nay diễn ra trong tháng 2, trong khi cùng kỳ rơi vào tuần cuối tháng 1.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	11,021,527	SBT	(19,339,317)
2	KDH	3,354,507	VPB	(10,036,041)
3	FTS	3,208,904	VHM	(8,735,847)
4	SSI	2,889,348	VNM	(7,570,988)
5	DIG	2,769,675	HSG	(7,387,347)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DTD	782,750	CEO	(2,061,876)
2	IDC	476,770	PVS	(1,752,500)
3	TIG	391,270	SHS	(1,730,943)
4	VGS	153,400	TNG	(315,300)
5	MST	152,700	VFS	(203,200)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	19.45	20.80	↑ 6.94%	202,918,200
VND	23.50	23.55	↑ 0.21%	173,490,801
HPG	30.30	30.10	↓ -0.66%	158,654,100
DIG	26.55	28.50	↑ 7.34%	153,109,100
SSI	36.80	37.80	↑ 2.72%	150,869,201

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.50	19.10	↑ 3.24%	169,703,903
CEO	21.70	22.10	↑ 1.84%	55,862,110
PVS	37.20	37.90	↑ 1.88%	43,485,023
MBS	28.60	29.70	↑ 3.85%	27,833,385
HUT	18.80	18.80	→ 0.00%	21,410,338

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCO	9.44	11.80	2.4	↑ 25.00%
GIL	31.60	38.30	6.7	↑ 21.20%
GVR	29.00	34.60	5.6	↑ 19.31%
DPR	34.10	40.60	6.5	↑ 19.06%
STK	29.70	34.50	4.8	↑ 16.16%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CET	5.10	8.00	2.9	↑ 56.86%
VC6	13.10	18.00	4.9	↑ 37.40%
TPH	11.20	14.80	3.6	↑ 32.14%
SGD	11.20	14.30	3.1	↑ 27.68%
MCO	27.50	34.70	7.2	↑ 26.18%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

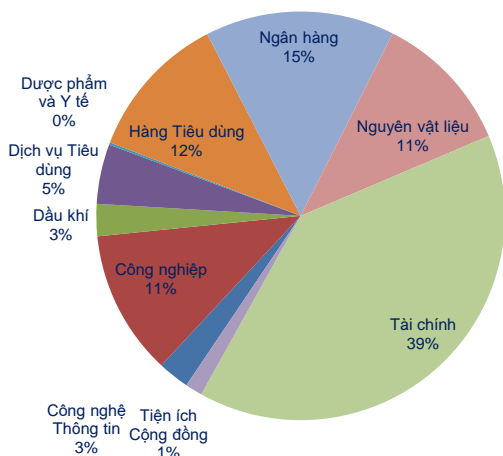
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTP	19.80	16.65	-3.2	↓ -15.91%
LAF	16.80	14.50	-2.3	↓ -13.69%
SFG	14.80	13.40	-1.4	↓ -9.46%
L10	19.90	18.25	-1.7	↓ -8.29%
CLW	37.45	34.85	-2.6	↓ -6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ATS	10.80	8.50	-2.3	↓ -21.30%
DPC	8.80	7.10	-1.7	↓ -19.32%
VCM	15.00	12.30	-2.7	↓ -18.00%
VTH	8.50	7.50	-1.0	↓ -11.76%
HHH	15.20	13.60	-1.6	↓ -10.53%

(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Biến động P/E và Thị Trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	202,918,200	11.6%	1,444	14.4	1.6
VND	173,490,801	13.0%	1,657	14.1	1.7
HPG	158,654,100	6.9%	1,175	25.8	1.7
DIG	153,109,100	2.2%	283	97.1	2.1
SSI	150,869,201	10.1%	1,531	24.7	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	169,703,903	5.7%	688	27.8	1.5
CEO	55,862,110	3.1%	408	53.9	1.8
PVS	43,485,023	6.6%	1,812	20.9	1.4
MBS	27,833,385	12.3%	1,334	22.3	2.6
HUT	21,410,338	0.6%	82	227.2	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCO	↑ 25.0%	2.3%	384	30.0	0.7
GIL	↑ 21.2%	1.1%	395	92.0	1.0
GVR	↑ 19.3%	4.8%	646	50.7	2.4
DPR	↑ 19.1%	6.8%	2,374	16.6	1.1
STK	↑ 16.2%	5.5%	928	35.7	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CET	↑ 56.9%	0.0%	4	1,720.5	0.7
VC6	↑ 37.4%	11.5%	1,793	9.3	1.0
TPH	↑ 32.1%	6.5%	791	18.7	1.2
SGD	↑ 27.7%	2.6%	406	33.2	0.9
MCO	↑ 26.2%	0.6%	80	396.3	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	11,021,527	10.1%	1,244	14.4	1.4
KDH	3,354,507	5.2%	906	41.4	1.9
FTS	3,208,904	12.7%	2,074	29.7	3.6
SSI	2,889,348	10.1%	1,531	24.7	2.4
DIG	2,769,675	2.2%	283	97.1	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	782,750	19.5%	4,328	7.2	1.3
IDC	476,770	22.6%	4,221	14.3	3.2
TIG	391,270	8.3%	1,085	12.5	1.0
VGS	153,400	6.1%	1,090	24.2	1.4
MST	152,700	9.1%	1,004	6.9	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	530,964	21.7%	5,910	16.1	3.2
BID	294,713	19.0%	3,781	13.7	2.4
VHM	186,802	20.2%	7,664	5.6	1.0
GAS	186,036	18.4%	5,053	16.0	2.8
CTG	184,996	17.0%	3,723	9.3	1.5

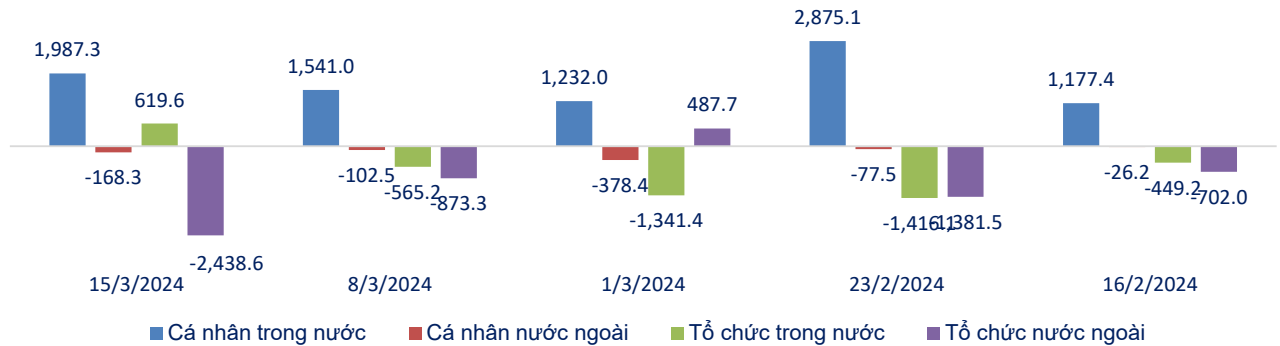
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,899	22.6%	4,221	14.3	3.2
PVS	18,115	6.6%	1,812	20.9	1.4
HUT	16,601	0.6%	82	227.2	1.5
SHS	15,531	5.7%	688	27.8	1.5
THD	13,436	3.0%	470	74.3	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	445.96	20.2%	7,664	5.6	1.0
VNM	432.06	26.2%	4,248	16.6	4.2
MWG	285.20	0.7%	115	412.3	3.0
HSG	277.02	7.5%	1,321	16.8	1.3
VPB	273.07	8.3%	1,445	13.0	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-202.70	10.1%	1,244	14.4	1.4
FTS	-193.34	12.7%	2,074	29.7	3.6
SSI	-118.88	10.1%	1,531	24.7	2.4
GAS	-107.26	18.4%	5,053	16.0	2.8
VIX	-106.11	11.6%	1,444	14.4	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SAB	18.11	16.4%	3,210	18.3	3.0
VPB	12.97	8.3%	1,445	13.0	1.1
VNM	9.80	26.2%	4,248	16.6	4.2
VND	8.05	13.0%	1,657	14.1	1.7
TPB	7.95	13.7%	2,019	9.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-62.61	23.4%	5,101	22.9	5.0
PTB	-28.07	10.5%	4,309	14.9	1.5
MSN	-22.59	1.1%	293	268.9	3.0
HPG	-16.85	6.9%	1,175	25.8	1.7
VTP	-16.05	25.6%	3,123	28.7	6.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	173.31	11.6%	1,444	14.4	1.6
GAS	122.99	18.4%	5,053	16.0	2.8
NVL	110.93	1.8%	413	39.9	0.7
PC1	103.86	1.9%	439	66.3	1.2
MSN	103.79	1.1%	293	268.9	3.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	-113.51	7.5%	1,321	16.8	1.3
VTP	-107.32	25.6%	3,123	28.7	6.9
MSB	-104.55	16.0%	2,322	6.3	0.9
NLG	-85.88	3.6%	1,259	35.4	1.3
VPB	-85.08	8.3%	1,445	13.0	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

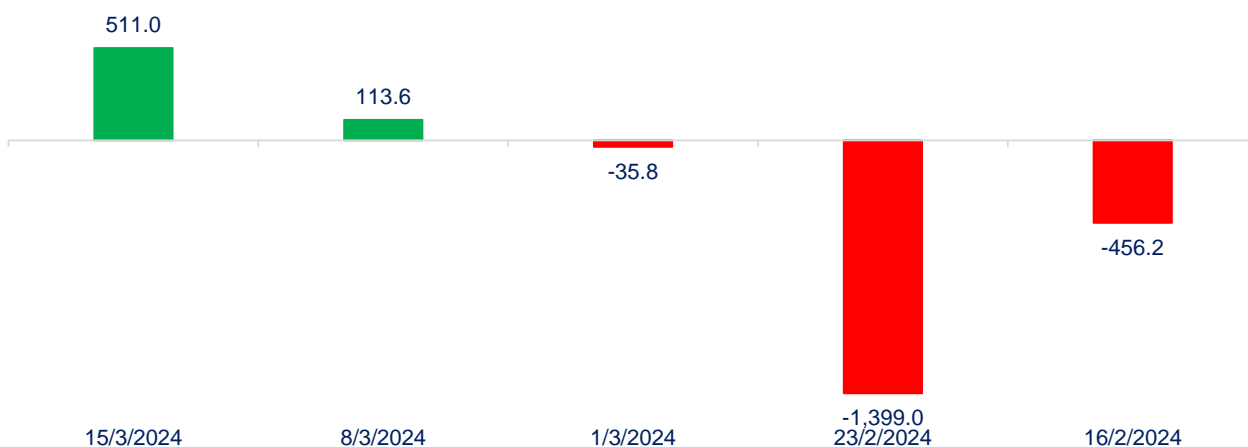
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	201.42	12.7%	2,074	29.7	3.6
EIB	200.92	10.1%	1,244	14.4	1.4
KDH	123.80	5.2%	906	41.4	1.9
SSI	115.28	10.1%	1,531	24.7	2.4
NLG	82.77	3.6%	1,259	35.4	1.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

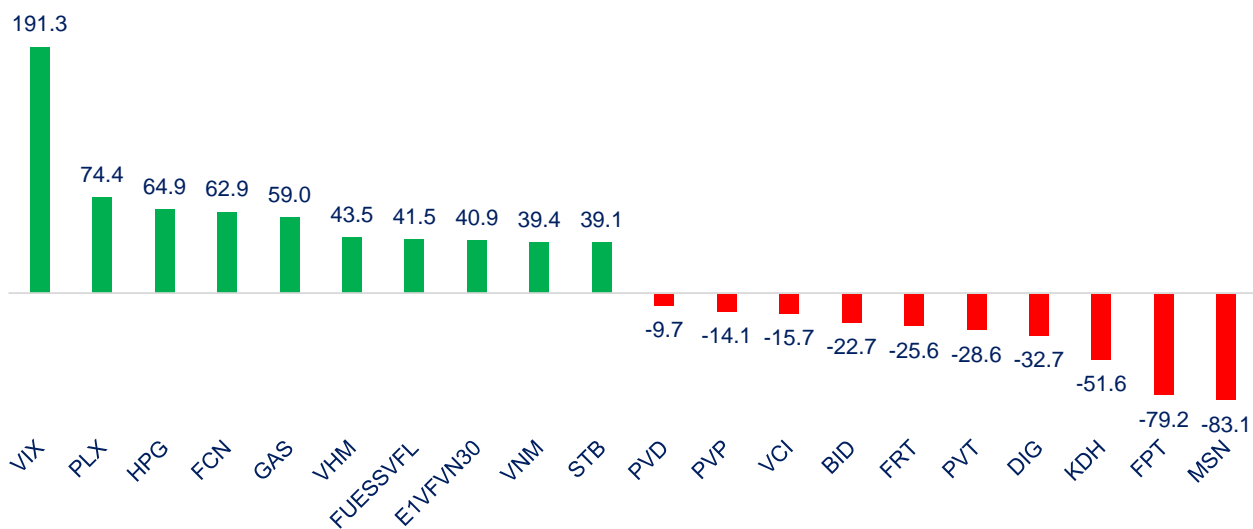
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-541.59	26.2%	4,248	16.6	4.2
VHM	-380.83	20.2%	7,664	5.6	1.0
MWG	-293.41	0.7%	115	412.3	3.0
MSN	-244.90	1.1%	293	268.9	3.0
SBT	-241.05	5.3%	741	16.7	0.8



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
10/1/2024	15/3/2024	31/1/2024	30/1/2024	GIC	Đại hội Đồng Cổ đông
16/1/2024	15/3/2024	31/1/2024	30/1/2024	VLF	Đại hội Cổ đông Bất thường
19/1/2024	15/3/2024	20/2/2024	19/2/2024	GCF	Đại hội Đồng Cổ đông
19/1/2024	15/3/2024	15/2/2024	7/2/2024	PMT	Đại hội Đồng Cổ đông
23/1/2024	15/3/2024	6/2/2024	5/2/2024	TSB	Đại hội Đồng Cổ đông
31/1/2024	15/3/2024	15/2/2024	7/2/2024	VPR	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	15/3/2024	16/2/2024	15/2/2024	EVF	Đại hội Đồng Cổ đông
31/1/2024	15/3/2024	1/3/2024	29/2/2024	TTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/2/2024	15/3/2024	15/2/2024	7/2/2024	MIE	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	15/3/2024	19/2/2024	16/2/2024	IDP	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	15/3/2024	19/2/2024	16/2/2024	HEM	Đại hội Đồng Cổ đông
20/2/2024	15/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	PGI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/12/2023	16/3/2024	22/1/2024	19/1/2024	VTS	Đại hội Đồng Cổ đông
15/12/2023	18/3/2024	18/1/2024	17/1/2024	HSG	Đại hội Đồng Cổ đông
25/1/2024	19/3/2024	19/2/2024	16/2/2024	BDT	Đại hội Cổ đông Bất thường
26/1/2024	19/3/2024	1/2/2024	31/1/2024	ART	Đại hội Đồng Cổ đông
26/1/2024	19/3/2024	31/1/2024	30/1/2024	ART	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/3/2024	12/3/2024	11/3/2024	FUEDCMID	Đại hội Đồng Cổ đông
23/1/2024	20/3/2024	6/2/2024	5/2/2024	FIR	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	20/3/2024	20/2/2024	19/2/2024	TNB	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2024	20/3/2024	18/3/2024	15/3/2024	BAL	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	21/3/2024	19/2/2024	16/2/2024	GTA	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	21/3/2024	26/2/2024	23/2/2024	PVI	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	21/3/2024	21/2/2024	20/2/2024	DTV	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2024	21/3/2024	6/3/2024	5/3/2024	SD5	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/2/2024	21/3/2024	5/3/2024	4/3/2024	IDV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/3/2024	21/3/2024	12/3/2024	11/3/2024	SHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/12/2023	22/3/2024	29/12/2023	28/12/2023	VSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/1/2024	22/3/2024	31/1/2024	30/1/2024	POT	Đại hội Đồng Cổ đông
2/2/2024	22/3/2024	16/2/2024	15/2/2024	BSC	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
